

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST  
Ngày: 16-4-2025  
V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa  
vụ trả tiền”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Cúc**  
Ông **Nguyễn Thế Vinh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trương Thị Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị Kim L** – Sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn N, xã A, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Ông **Trần Thế H** – Sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Phạm Thế N** – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Xin vắng mặt.

2/ Ông **Trần Ngọc H** – Sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn N, xã A, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Xin vắng mặt.

3/ Bà **Phạm Thị Mỹ L** – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:*

Bà là chủ hộ kinh doanh Huỳnh Thị Kim L có cửa hàng “L Q” chuyên mua bán vật liệu xây dựng, ống nước, phụ tùng máy nổ, phụ tùng ô tô, đồ điện gia

dụng, mua bán nhót bình tại địa chỉ thôn S, xã A, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37D8000190 đăng ký lần đầu ngày 31/7/2002, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16/03/2015. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà.

Từ ngày 23/02/2024 đến ngày 19/6/2024, ông Trần Thế H có đến cửa hàng của bà giao dịch mua vật tư làm địa tô. Các bên không làm hợp đồng mua bán mà chỉ giao dịch miệng theo hình thức gọi đầu, lần giao hàng sau thì ông H mới thanh toán tiền của đợt mua hàng trước. Ông Phạm Thế N có mối quan hệ em rể và người làm công cho ông H, là người trực tiếp tới cửa hàng lấy vật tư. Mỗi lần ông N đến lấy hàng đều ký sổ mua bán, bà viết hóa đơn bán lẻ, chụp hình ảnh hóa đơn và sổ gửi qua zalo cho ông H xác nhận công nợ. Đến ngày 19/6/2024 thì hai bên chấm dứt việc mua bán với nhau, ông N ký chốt nợ và bà chụp ảnh gửi cho ông H số tiền còn nợ là 85.376.000 đồng.

Tổng số tiền ông H mua vật tư là 235.376.000 đồng. Ông H chuyển khoản và nhờ N chuyển khoản thanh toán cho bà số tiền 180.000.000 đồng cụ thể: ngày 29/03/2024, ông N chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 11/4/2024, ông N chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 28/5/2024, ông H chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 02/8/2024, ông N chuyển khoản 30.000.000 đồng. Số tiền ông H còn nợ là 55.376.000 đồng.

Ngày 06/8/2024, bà có gửi cho ông H giấy thông báo yêu cầu trả nợ trong vòng 01 tháng từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/9/2024 và ông H có thỏa thuận với bà sẽ trả số tiền còn thiếu, nhưng đến nay vụ mùa thu hoạch tô đã xong và quá thời hạn mặc dù nhiều lần bà gọi điện nhắc nợ nhưng ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ngày 13/03/2025, ông H tiếp tục chuyển trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thế H trả số tiền 40.376.000 đồng vào một lần cho vợ chồng bà và không yêu cầu trả lãi.

- *Tại bản tự khai ngày 14/01/2025, bị đơn - ông Trần Thế H trình bày:*

Ông có thuê địa nuôi tôm và mua vật tư cửa hàng L Q. Ông yêu cầu cửa hàng xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền ông mua vật tư 300.000.000 đồng nhưng đã trả hết còn nợ số tiền 55.376.000 đồng. Phạm Thế N lấy hàng trực tiếp của cửa hàng. Số nợ này ông chịu trách nhiệm trả, yêu cầu cửa hàng xuất hóa đơn giá trị gia tăng và hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Thế N trình bày:*

Ông có mối quan hệ họ hàng với ông Trần Thế H. Năm 2024, ông H có địa tô ở N và ông làm công cho ông H. Ông là người trực tiếp đi lấy hàng vật tư nông nghiệp tại cửa hàng L Q của bà Huỳnh Thị Kim L. Mỗi lần lấy hàng bà L sẽ L hệ trực tiếp với ông H. Ông là người đi lấy hàng và ký vào sổ mua hàng của bà L. Ông H có chuyển khoản nhờ ông chuyển trả nợ cho bà L 03 lần: vào ngày 29/03 chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 11/4 chuyển khoản 50.000.000 đồng, ngày 02/8 chuyển khoản 30.000.000 đồng, tổng số tiền ông chuyển là 130.000.000 đồng. Ngày 28/5 thì ông H trực tiếp chuyển khoản trả cho bà L. Ông xác nhận còn nợ bà L số tiền 55.376.000 đồng. Ông chỉ là người làm công nên không có trách nhiệm

trả nợ cho bà L, yêu cầu ông H trả nợ. Hiện nay ông không làm cho ông H nữa và xin vắng mặt quá trình tố tụng tại Tòa án vì bận làm ăn.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Ngọc H trình bày:*

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Kim L - chủ hộ kinh doanh L Q. Ông Trần Thế H và ông Phạm Thế N có mua vật tư cửa hàng nhiều lần từ ngày 23/2/2024 đến ngày 02/8/2024 và còn nợ số tiền 55.376.000 đồng. Nay bà L khởi kiện ông Trần Thế H trả số tiền còn nợ thì ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện đồng thời đề nghị quý tòa xét xử vắng mặt vì ông bận công việc gia đình.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:*

Bà là vợ của ông Trần Thế H. Năm 2024, ông H có làm địa tô và mua vật tư tại cửa hàng. Quá trình mua bán cụ thể thế nào bà không rõ. Ngày 13/03/2025, ông H có nhờ bà chuyển khoản cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 15.000.000 đồng nội dung Trần Thế H trả nợ. Đây là số tiền của ông H. Bà không L quan đến khoản nợ và cũng không biết bà L. Bà yêu cầu không tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện người bị kiện là ông Phạm Thế N và ông Trần Thế H cùng L đòi trả nợ cho bà. Ngày 05/02/2025, bà L có đơn yêu cầu thay đổi tư cách tố tụng đối với ông Phạm Thế N, chỉ yêu cầu khởi kiện bị đơn ông Trần Thế H. Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông H và ông N đều xác nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà L là của ông Trần Thế H. Vì vậy, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Trần Thế H là bị đơn, ông Phạm Thế N là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan xin vắng mặt. Vì vậy áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Thế H có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

Quá trình thụ lý đơn khởi kiện đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” nhưng theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền mua vật tư còn thiếu. Bị đơn cũng thừa nhận các bên đã chốt lại nợ từ việc mua bán vật tư và xác nhận còn nợ nhưng chưa thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền mua vật tư còn nợ là 40.376.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán vật tư từ ngày 23/02/2024 đến ngày 19/6/2024 theo hình thức gói đầu. Bên bán giao hàng và sẽ nhận tiền của bên mua vào lần giao sau. Đến ngày 19/6/2024, các bên chấm dứt việc mua bán với nhau. Ông N có ký chốt công nợ và bà L chụp ảnh sổ mua bán gửi zalo cho ông H. Tổng số tiền mua vật tư là 235.376.000 đồng. Ông H chuyển khoản trả cho bà L số tiền 180.000.000 đồng cụ thể: ngày 29/03/2024, chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 11/4/2024, chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 28/5/2024, chuyển khoản 50.000.000 đồng; ngày 02/8/2024, chuyển khoản 30.000.000 đồng.

Bà L nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ và đến ngày 06/8/2024 nguyên đơn có thông báo yêu cầu trả số tiền nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Yêu cầu của nguyên đơn là thanh toán số tiền vào một lần vì quá thời hạn tính từ thời điểm mua bán chốt nợ. Tại bản tự khai ngày 14/01/2025, bị đơn ông Trần Thế H xác nhận còn nợ bà L số tiền 55.376.000 đồng nhưng yêu cầu bà L xuất hóa đơn giá trị gia tăng và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Tại tòa, bà L trình bày không đồng ý yêu cầu của ông H vì các bên mua bán lẻ không lập hợp đồng mua bán nên không xuất hóa đơn giá trị gia tăng được và khoản nợ đã quá hạn. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 13/03/2025, ông H tiếp tục chuyển khoản trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng.

Mặt khác, vi bằng số 73/2025/VB-TPLKH ngày 01 tháng 03 năm 2025 của Văn phòng thừa phát lại Khánh Hòa do bà L cung cấp thể hiện mỗi lần ông Phạm Thế N lấy hàng vật tư của hàng L Quân đều ký chốt số tiền và bà L chụp màn hình thông tin cho ông Trần Thế H về số tiền mua hàng, số tiền còn nợ từ tài khoản zalo của bà L và ông H.

Từ những nhận định trên, khẳng định nghĩa vụ thanh toán số tiền 40.376.000 đồng là của ông Trần Thế H tuy nhiên ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ là không có thiện chí trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền 40.376.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Trần Thế H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là  $40.376.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.018.800 \text{ đồng}$ . Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.384.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0006246 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Buộc ông Trần Thế H phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Kim L và ông Trần Ngọc H số tiền 40.376.000 đồng (*Bốn mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) vào một lần.

**2. Án phí:**

Ông Trần Thế H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.018.800 đồng (*Hai triệu không trăm mười tám nghìn tám trăm đồng*).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.384.000 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng số 0006246 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H

**3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

**Quy định chung:** Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Huỳnh Tường Viên**